

Bản án số: 31 /2021/ HNGĐ-ST

Ngày: 26- 02- 2021

“V/v Ly hôn giữa chị Lê và anh H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

2. Ông **LÊ VĂN THÀNH**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 607/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp L1, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Thanh H**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp L1, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị L có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh H thông qua mai mối nên tiến đến hôn nhân năm 2006, có đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh H là vợ chồng chấp nối, chị có con riêng ở chung nhà tuy anh H không nói nhưng anh lại tỏ ra không có tình cảm với con riêng của chị. Ngoài ra anh còn không có trách nhiệm với gia đình nên anh chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Yến V, sinh ngày 01/8/2008, hiện do chị nuôi.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị L xin được ly hôn với anh H. Con chung chị yêu cầu nuôi, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn anh Trần Thanh H dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Thanh H dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị L và anh H do mai mối mới tiến đến hôn nhân năm 2006, đăng ký kết hôn năm 2007. Hai người chỉ chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên nhân do chị L từng có 01 cuộc hôn nhân trước đó nhưng chồng chị đã mất, sau đó chị tái hôn với anh H nhưng anh H không hòa hợp được với con riêng của chị L nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Anh chị đã ly thân từ 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai hay tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với anh H dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn không tham gia tố tụng tại Tòa và cũng không có ý kiến gì về việc chị L xin ly hôn. Từ đó cho thấy anh H không thiết tha đoàn tụ cùng chị L, tình cảm vợ chồng anh chị đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị L được ly hôn với anh H là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung tên Trần Yến V, sinh ngày 01/8/2008. Xét thấy, cháu V đang được chị L nuôi dưỡng, các cháu vẫn phát triển bình thường, cháu cũng có nguyện vọng sống với chị L. Đối với anh H cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của chị L. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho chị Trần Thị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Trần Thanh H.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên Trần Yến V, sinh ngày 01/8/2008 cho chị Trần Thị L tiếp tục nuôi dưỡng.

2.2. Anh Trần Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004120 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với anh H thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

